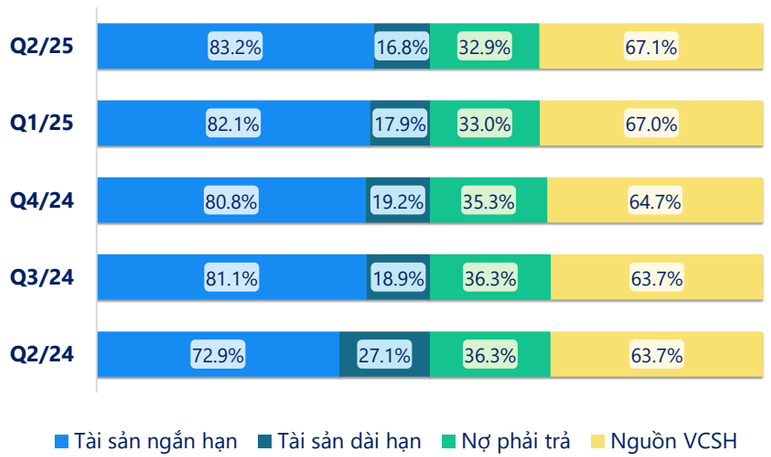
FireAnt

CTCP Tập đoàn đầu tư Din Capital (HNX: PDB)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,510
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,719
SL cổ phiếu LH	8,909,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)	16,450
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	106
P/E	3.9
EPS	3,025

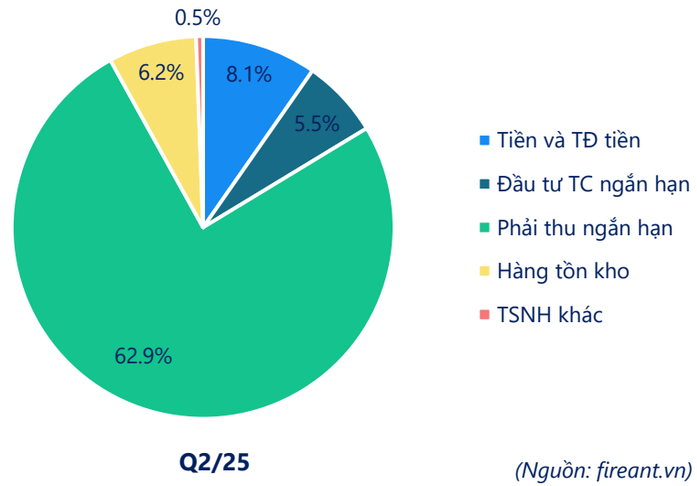
	YTD	1T	3T	6T
PDB	30.2%	-4.2%	31.5%	32.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



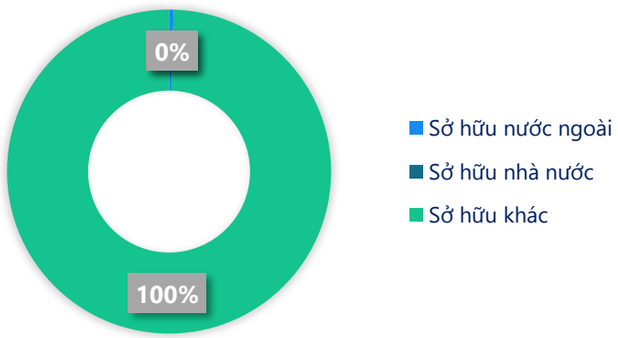
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



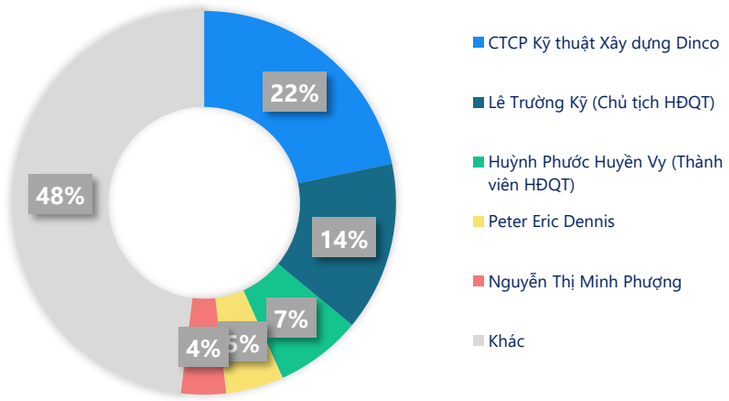
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



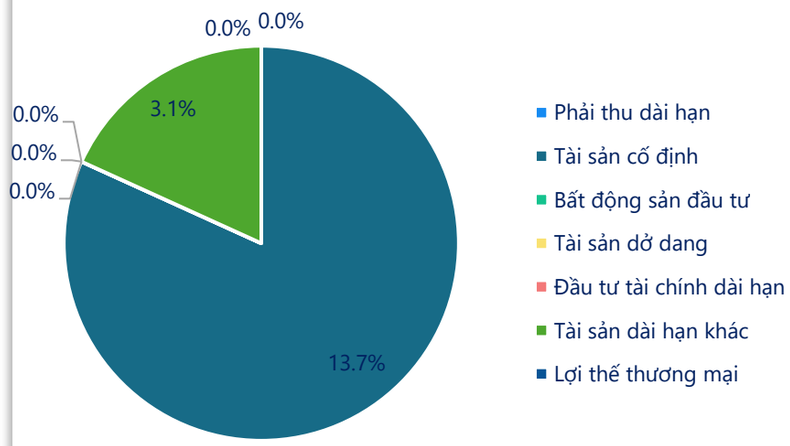
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

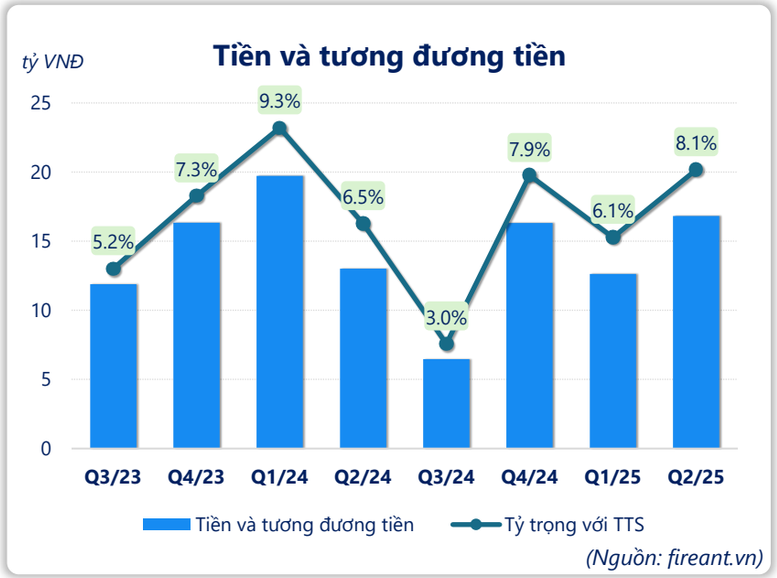
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



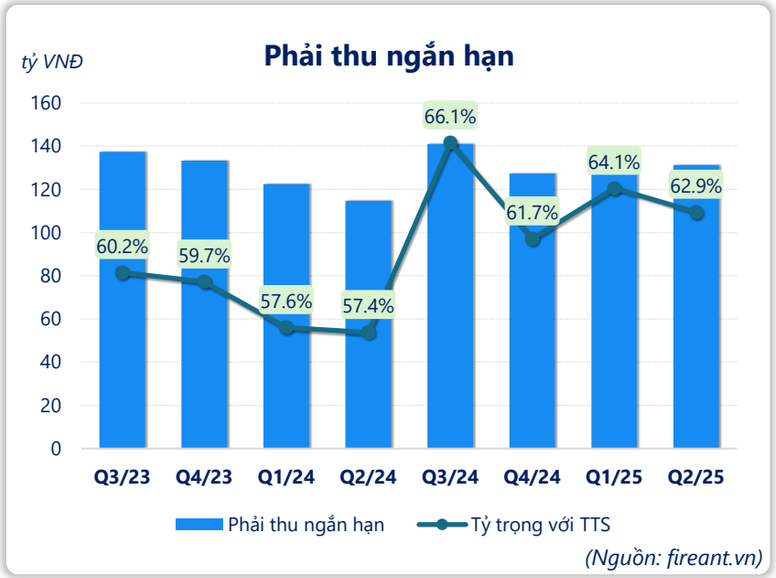
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

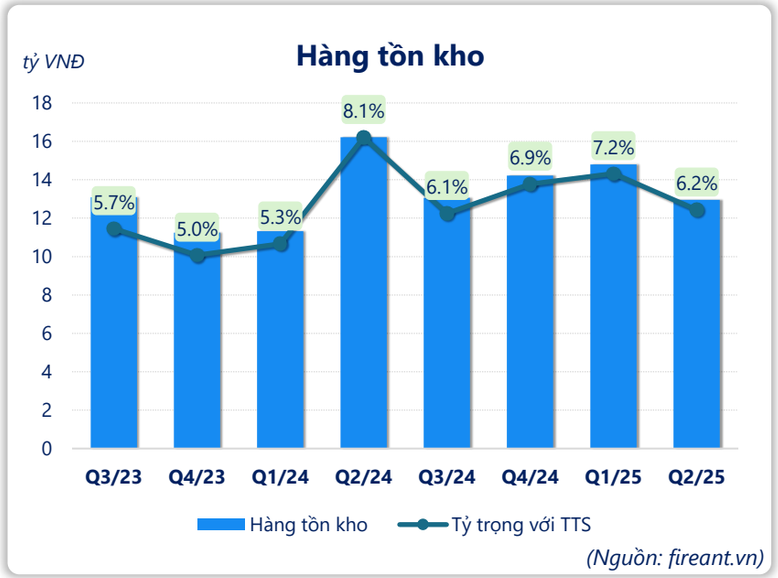
CTCP Tập đoàn đầu tư Din Capital (HNX: PDB)



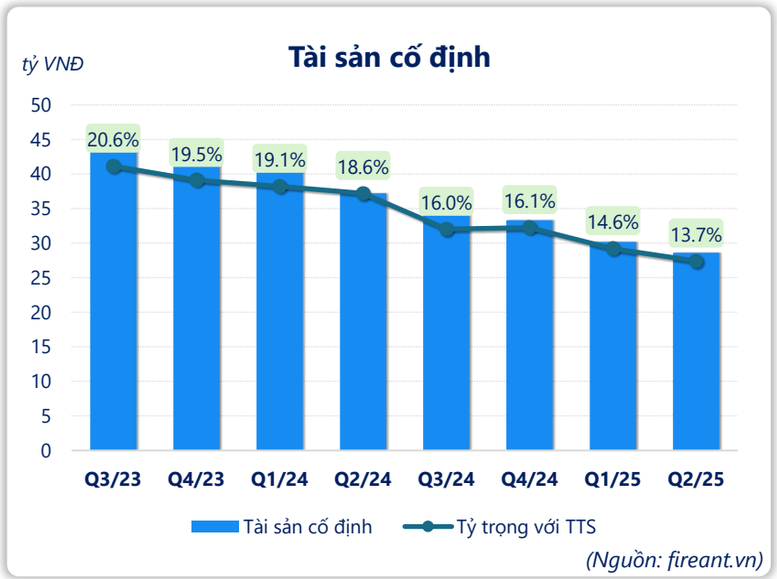
(Nguồn: fireant.vn)



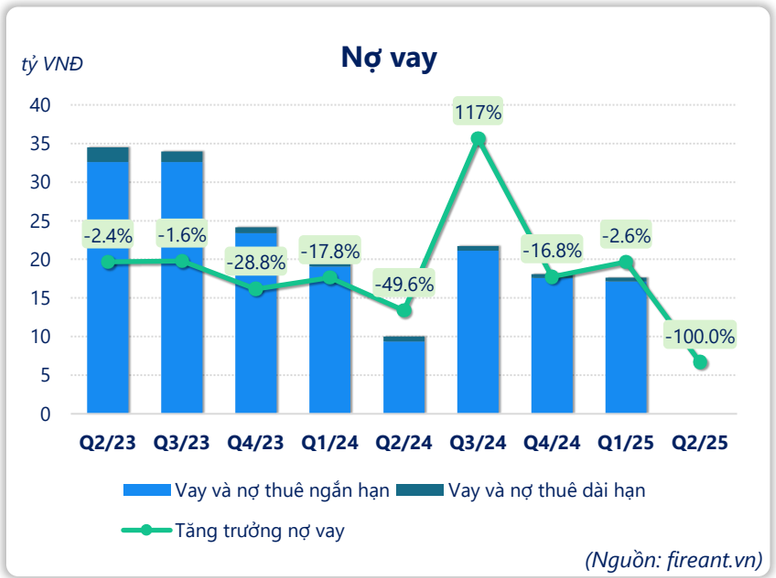
(Nguồn: fireant.vn)



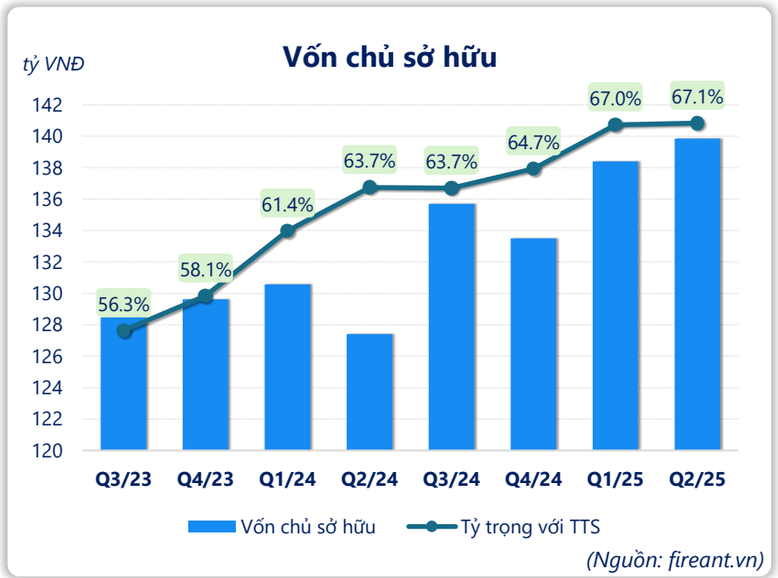
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

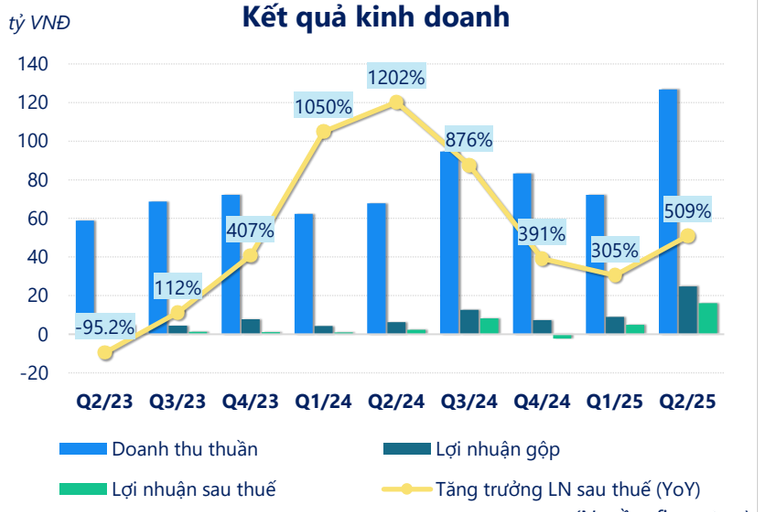


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

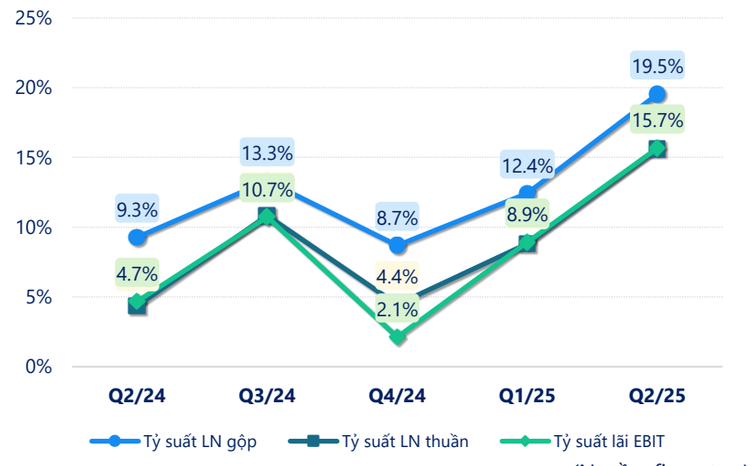
CTCP Tập đoàn đầu tư Din Capital (HNX: PDB)

Kết quả kinh doanh



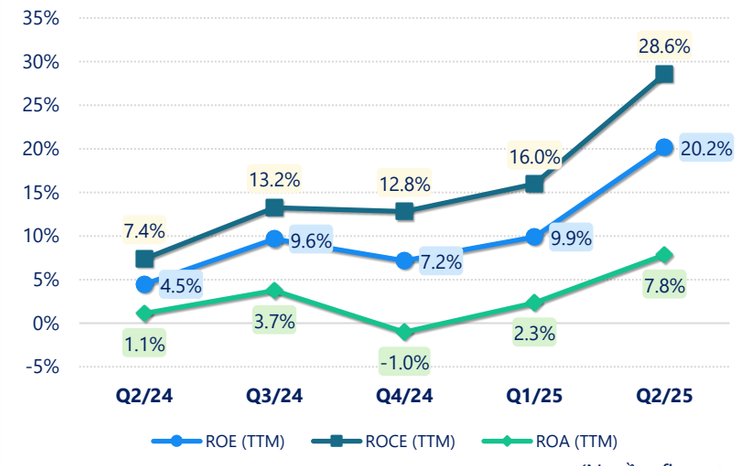
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



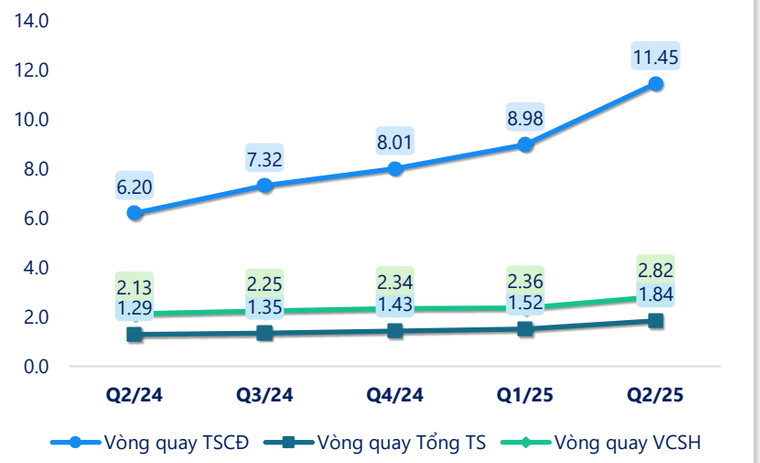
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



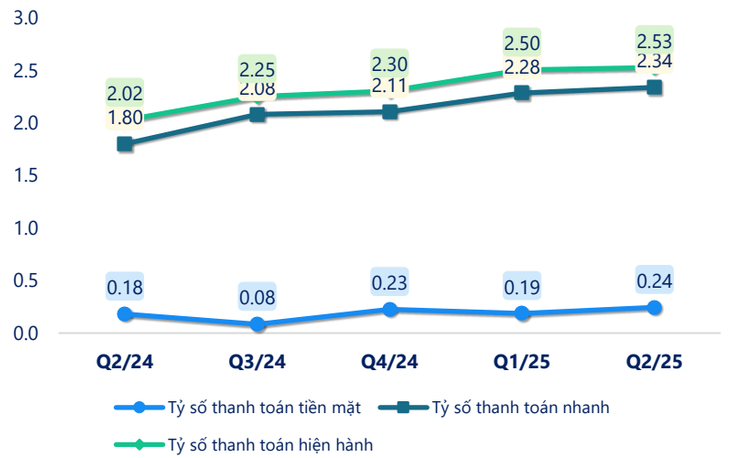
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



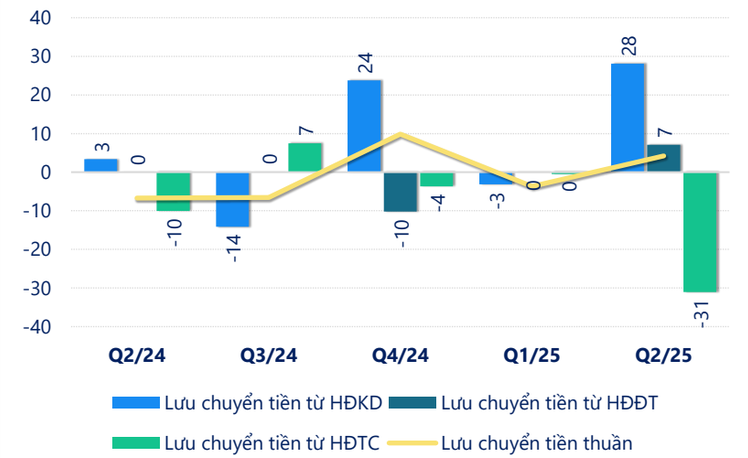
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn đầu tư Din Capital (HNX: PDB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**209**	**207**	**1.0%**
Tài sản ngắn hạn	174	167	4.0%
Tiền và tương đương tiền	16.8	16.3	3.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.5	8.01	43.7%
Phải thu ngắn hạn	131	127	3.0%
Hàng tồn kho	13.0	14.2	-8.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.03	0.89	15.7%
Tài sản dài hạn	**35.0**	**39.6**	**-11.8%**
Phải thu dài hạn	0	0.05	-100%
Tài sản cố định	28.6	33.3	-14.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.39	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**6.37**	**5.92**	**7.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	68.7	73.0	-5.9%
Nợ ngắn hạn	**68.7**	**72.6**	**-5.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	17.6	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	53.9	46.1	17.1%
Nợ dài hạn	0	0.47	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0.47	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**140**	**134**	**4.7%**
Vốn chủ sở hữu	**140**	**134**	**4.7%**
Vốn điều lệ	89.1	89.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	67.8	94.6	83.2	72.2	127
Giá vốn hàng bán	61.5	82.0	76.0	63.2	102
Lợi nhuận gộp	6.29	12.6	7.23	8.98	24.8
Doanh thu HĐTC	0.01	0.07	0.21	0.27	0.26
Chi phí TC	0.22	-0.26	0.30	0.21	0.05
Chi phí lãi vay	0.22	0.19	0.30	0.21	0.05
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.53	0.57	0.67	0.54	0.66
Chi phí QLDN	2.60	2.11	2.77	2.14	4.52
LN thuần từ HĐKD	2.96	10.3	3.70	6.36	19.8
Lợi nhuận khác	0.00	-0.28	-2.23	-0.12	0.01
LN trước thuế	2.95	9.97	1.47	6.24	19.8
Lợi nhuận sau thuế	2.35	8.29	-2.20	4.87	16.0
LNST của CĐ cty mẹ	2.34	8.26	-2.20	4.88	16.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.36	-14.1	23.7	-3.14	28.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.13	-10.2	-0.08	7.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.1	7.45	-3.66	-0.46	-31.0
Tiền đầu kỳ	19.7	13.0	6.46	16.3	12.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.70**	**-6.56**	**9.85**	**-3.68**	**4.20**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.0	6.46	16.3	12.6	16.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic